

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS)  
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung -  
tỉnh Bình Định.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 20/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 04 Tiểu dự án tại các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận thuộc Dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung”, vay vốn WB;*

*Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1100/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 4551/QĐ-UBND ngày 20/12/2018; số 4167/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 và số 1353/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường tỉnh bị hư hỏng nặng thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1101/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 1502/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 và số 4238/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn*

thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định; ;

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1102/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 3243/QĐ- UBND ngày 10/9/2019 và số 729/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống tưới tiêu thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1103/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 2748/QĐ- UBND ngày 15/8/2018 và số 4239/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 4240/QĐ- UBND ngày 14/10/2020 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông Hà Thanh thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1105/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 2489/QĐ- UBND ngày 22/7/2019 và số 2317/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp các Đập dâng thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1106/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 3812/QĐ- UBND ngày 22/10/2019 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp thuộc Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung-tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1107/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 2749/QĐ- UBND ngày 15/8/2018 và số 4237/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông Kôn thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1108/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; số 2374/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 và số 835/QĐ-UBND ngày

12/3/2020 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 119/TTr-BQL ngày 26/5/2022; đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1233/SNN-QLXDCT ngày 24/5/2022; đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 753/SGTVT-GT ngày 26/5/2022 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 396/BC-SKHĐT ngày 31/5/2022,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

**2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư:** Thủ tướng Chính phủ.

**3. Cơ quan chủ quản:** UBND tỉnh Bình Định.

**4. Chủ đầu tư:** Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

**5. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:** Cập nhật, tổng hợp quy mô đầu tư xây dựng và tổng mức đầu tư xây dựng của 09 dự án thành phần đã được UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể:

### **5.1. Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn:**

a. Dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp đê sông Lại Giang: Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 4.768m đê, kè sông của 04 hạng mục công trình trên lưu vực sông Lại Giang, bao gồm:

- Sửa chữa đê sông An Lão, thị trấn An Lão và xã An Hòa, huyện An Lão dài 948m;

- Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn, thôn Phú Hữu, xã Ân Tường Tây và thôn Xuân Sơn, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân dài 794m;

- Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn đoạn thôn Nhơn Sơn, xã Ân Nghĩa và đoạn suối Tem xã Bok Tới, huyện Hoài Ân dài 982m;

- Kè suối Quán Dưa xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn dài 2.044m.

b. Dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn: Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 15.798m đê, kè sông của 08 hạng mục công trình trên lưu vực sông La Tinh và sông Cạn, bao gồm:

- Kè chống sạt lở sông La Tinh đoạn từ thôn Vĩnh Thành đến thôn Thái Phú, xã Cát Tài, huyện Phù Cát dài 2.529m;

- Khắc phục kè đá thượng hạ lưu Đập Quang, xã Cát Tài, huyện Phù Cát dài 1.515m;

- Khắc phục đê Chánh Hùng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát dài 609m;

- Sửa chữa kè hạ lưu kênh xả tràn hồ Hội Sơn, xã Cát Sơn, huyện Phù Cát dài 861m;

- Đê hạ lưu sông La Tinh, xã Mỹ Chánh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ dài 3.007m;
- Đê sông Cạn, xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ dài 4.336m;
- Đê Thủ Tình, xã Cát Minh, huyện Phù Cát dài 1.550m;
- Khắc phục xói lở trực tiêu Lạch Mới, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ dài 1.391m.

*c. Dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp đê sông Kôn:* Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 12.750m đê, kè sông của 08 hạng mục công trình trên lưu vực sông Kôn, bao gồm:

- Kè chống xói lở bờ suối Tà Dinh và suối Xem, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh với tổng chiều dài 1.174m;
- Kè chống xói lở bờ sông Kôn, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh với tổng chiều dài 2.233m. Trong đó: Đoạn 1 (từ cầu Hà Ron đến cầu Vĩnh Hiệp) dài 1.073m và đoạn 2 (từ cống Cây Trâm đến cầu Định Bình) dài 1.160m.

- Kè sông Cút, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn dài 772m;
- Đê sông Quéo, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn dài 2.639m;
- Đê sông Kôn xã Bình Nghi và xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn dài 2.280m;
- Kè Phụ Ngọc, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn dài 1.273m;
- Đê sông Đại An, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát dài 1.617m;
- Đê Trường Giang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước dài 708m.

*d. Dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp đê sông Hà Thanh:* Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 6.675m đê, kè sông của 03 hạng mục công trình trên lưu vực sông Hà Thanh, bao gồm các hạng mục:

- Kè chống sạt lở bờ sông Hà Thanh đoạn qua xã Canh Vinh, huyện Vân Canh dài 1.985m;
- Kè chống sạt lở bờ sông Hà Thanh đoạn qua xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn dài 850m;
- Đê Luật Lễ trên sông Hà Thanh đoạn qua thị trấn Diêu Trì và thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước dài 3.840m.

*đ. Dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp các Đập dâng:* Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 05 công trình đập dâng trên lưu vực sông Kôn, sông La Tinh, sông Lại Giang, bao gồm các hạng mục:

- Sửa chữa, gia cố khắc phục xói lở hạ lưu và hai bên vai để bảo vệ an toàn, ổn định cho đập Lại Giang;
- Sửa chữa, gia cố khắc phục xói lở hạ lưu và hai bên vai bảo vệ an toàn, ổn định cho đập Cây Gai; sửa chữa, gia cố kênh dẫn và đường dẫn hai bên vai đập do xói lở sau lũ; sửa chữa nhà quản lý đập;
- Xây dựng mới đập dâng Nha Phu thay thế đập cũ đã xuống cấp, kết hợp gia cố chống xói lở 2 bờ thượng và hạ lưu đập nhằm đảm bảo phục vụ tưới, tiêu và tăng cường khả năng tiêu thoát lũ cho công trình;

- Sửa chữa, nâng cấp đập Bình Thạnh đã xuống cấp nhằm phục hồi năng lực thiết kế để điều tiết phục vụ tưới tiêu, tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, cải tạo hệ thống vận hành, đồng thời kết hợp giao thông nông thôn;

- Sửa chữa, gia cố xói lở hạ lưu, hai vai đập và tăng khả năng thoát lũ đập dâng Thạnh Hòa I.

*e. Dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp Hệ thống tưới tiêu:*

- Khắc phục và mở rộng hệ thống kênh tưới Văn Phong - Thuận Ninh: Xây dựng 04 tuyến kênh xã Cát Hiệp lấy nước từ kênh N1 Thuận Ninh dài 8.219m (kênh N1-6; kênh N1-7; kênh N1-7-1 và N1-8).

- Sửa chữa đoạn kênh chính N thuộc hệ thống kênh tưới đập Cây Gai gồm 03 đoạn kênh với tổng chiều dài 719m.

- Sửa chữa các trục tiêu dọc tuyến Đê Đông: Kiên cố hóa tuyến kênh tiêu đê Đông đoạn qua huyện Tuy Phước và Phù Cát (*tiếp giáp với kênh tiêu đã kiên cố bằng bê tông*) dài 800m phục vụ tiêu úng cho thị xã An Nhơn, huyện Phù Cát và Tuy Phước.

- Xây dựng mới đập dâng Đức Phổ, xã Cát Minh, huyện Phù Cát thay thế đập cũ đã xuống cấp để ngăn mặn, giữ ngọt và dâng cao mực nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước nuôi trồng thủy sản, chống xâm nhập mặn lên phía thượng lưu, bổ sung nguồn nước ngọt chống ảnh hưởng nhiễm mặn nguồn nước sinh hoạt cho người dân xã Cát Minh huyện Phù Cát, thôn An Mỹ và một phần thôn Trinh Long Khánh, xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ; tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, đồng thời kết hợp giao thông nông thôn, quản lý vận hành công trình.

## **5.2. Công trình giao thông:**

*a. Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp:* Xây dựng mới 10 công trình cầu trên địa bàn tỉnh Bình Định, bao gồm:

- Cầu Trắng (Km91+670, Tuyến ĐT.639B);
- Cầu Dịch Nghi (Km17+415, Tuyến ĐT.634);
- Cầu Bù Nú (xã Bok Tới, huyện Hoài Ân);
- Cầu Phú Sơn (Km0+600, Tuyến SH.02);
- Cầu Suối Sạn (Km1+100, Tuyến ĐH.11);
- Cầu Trắng (xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước);
- Cầu An Mỹ (Km45+500, Tuyến ĐT.639);
- Cầu An Xuyên (Km46+020, Tuyến ĐT.639);
- Cầu Xéo (Km20+543, Tuyến ĐT.630);
- Cầu Ngòi (Km19+350, Tuyến ĐT.633 Chợ Gôm - Đê Gi).

*b. Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường tỉnh bị hư hỏng nặng:* Sửa chữa, nâng cấp 8 tuyến đường tỉnh bị hư hỏng nặng trên địa bàn tỉnh Bình Định, bao gồm:

- Tuyến ĐT.635 cũ (Quốc lộ 1 - Quốc lộ 19);
- Tuyến ĐT.629 (Bồng Sơn - An Lão);
- Tuyến ĐT.640 (Ông Đô - Tuy Phước);

- Tuyến đường ĐH.34 (Đập Đá – Tây Vinh), đoạn từ cầu Thị Lụa đến giáp cầu An Vinh;
- Khôi phục, sửa chữa và nâng cấp đường Tân Dân – Bình Thạnh (ĐH.35);
- Khôi phục, sửa chữa và nâng cấp tuyến giao thông kết nối từ ĐT.631 (Chợ Cảnh Hàng, xã Nhơn Phong) đi cầu Phú Đa;
- Khôi phục, sửa chữa tuyến đường ĐT.631 (đoạn từ Cây xăng dầu Cẩm Vy, xã Nhơn Hạnh đến giáp đường ĐT.640);
- Khôi phục sửa chữa đường trục Khu Kinh tế Nhơn Hội.

*c. Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng:* Sửa chữa, nâng cấp 3 tuyến đường huyện, liên xã bị hư hỏng nặng trên địa bàn tỉnh Bình Định, bao gồm:

- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.629 đi trung tâm xã Ân Sơn, huyện Hoài Ân;
- Đường phía Tây huyện từ thôn Thịnh Văn 1 đến làng Suối Đá, huyện Vân Canh;
- Đường từ trung tâm xã Bình Tân đi làng M6, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn.

**6. Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung: 1.301.294.617.000 đồng** (Một nghìn ba trăm lẻ một tỷ, hai trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

*Chi tiết có Phụ lục 01, 02 kèm theo.*

**7. Nguồn vốn đầu tư:** Thực hiện theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K10, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC 01**  
**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**  
**Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

TT	Cơ cấu nội dung chi phí	Công trình Nông nghiệp và PTNT (theo Văn bản số 1233/SNN-QLXDCT ngày 24/5/2022 của Sở NN và PTNT)	Công trình Giao thông (theo Văn bản số 753/SGTVT-GT ngày 26/5/2022 của Sở Giao thông vận tải)	Chi phí tư vấn giai đoạn chuẩn bị đầu tư (theo Quyết định số 1063/QĐ- UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn	
						Vốn IDA	Đối ứng
1	Chi phí xây dựng	527.434.178	588.976.083		1.116.410.261	1.116.410.261	
2	Chi phí thiết bị	3.442.045			3.442.045	3.442.045	
3	Chi phí quản lý dự án	7.554.642	6.672.592		14.227.234		14.227.234
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	33.334.396	25.615.598	2.574.000	61.523.994	19.396.403	42.127.591
5	Chi phí khác	25.530.701	20.188.985		45.719.686	31.343.029	14.376.657
6	Chi phí bồi thường, GPMB	32.044.166	19.270.655		51.314.821		51.314.821
7	Chi phí dự phòng	1.944.853	6.711.723		8.656.576	4.277.274	4.379.302
<b>Tổng cộng</b>		<b>631.284.981</b>	<b>667.435.636</b>	<b>2.574.000</b>	<b>1.301.294.617</b>	<b>1.174.869.012</b>	<b>126.425.605</b>

**PHỤ LỤC 02****SO SÁNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT VÀ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG****Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh			Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung		
		Vốn IDA	Đối ứng	Tổng cộng	Vốn IDA	Đối ứng	Tổng cộng
	<b>Hợp phần 1: Xây dựng tái thiết các công trình bị hư hỏng và phòng ngừa thiên tai trong tương lai</b>	<b>1.068.364.000</b>	<b>88.973.000</b>	<b>1.157.336.000</b>	<b>1.170.591.738</b>	<b>107.189.069</b>	<b>1.278.410.807</b>
I.1	Xây lắp	1.052.151.000		1.052.151.000	1.119.852.306		1.119.852.306
I.2	Dịch vụ tư vấn	16.212.000	54.691.000	70.903.000	50.739.432	56.504.248	107.243.680
1	<i>Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, BCNCKT tích hợp và sổ tay vận hành dự án</i>		750.000	750.000		750.000	750.000
2	<i>Tư vấn lập các khung và KH chính sách ATMT và xã hội</i>		1.824.000	1.824.000		1.824.000	1.824.000
3	<i>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình</i>	16.212.000		16.212.000	16.343.987		16.343.987
4	<i>Các dịch vụ tư vấn khác</i>		52.117.000	52.117.000	34.395.445	53.930.248	88.325.693
I.3	Giải phóng mặt bằng		34.282.000	34.282.000		51.314.821	51.314.821
II	<b>Hợp phần 2: Nâng cao năng lực về phục hồi tái thiết</b>		<b>2.000.000</b>	<b>2.000.000</b>			
III	<b>Hợp phần 3: Quản lý dự án</b>		<b>37.647.000</b>	<b>37.647.000</b>		<b>14.227.234</b>	<b>14.227.234</b>
IV	<b>Hợp phần 4: Ứng cứu khẩn cấp</b>						
V	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>106.836.000</b>	<b>12.405.000</b>	<b>119.241.000</b>	<b>4.277.274</b>	<b>4.379.302</b>	<b>8.656.576</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.175.200.000</b>	<b>141.024.000</b>	<b>1.316.224.000</b>	<b>1.174.869.012</b>	<b>126.425.605</b>	<b>1.301.294.617</b>